

Biểu mẫu 10*(Kèm theo thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT NGUYỄN ĐỨC CẢNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1082	359	344	379
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1018 94,1%	317 88,3%	322 93,6%	379 100,0%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	62 5,7%	42 11,7%	20 5,8%	0 0,0%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,2%	0 0,0%	2 0,6%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,0%		0 0,0%	
II	Số học sinh chia theo học lực	1082	359	344	379
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	481 44,5%	78 21,7%	111 32,3%	292 77,0%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	502 46,4%	215 59,9%	201 58,4%	86 22,7%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	99 9,1%	66 18,4%	32 9,3%	1 0,3%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,0%	0 0,0%	0 0,0%	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)				
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	989	347	382	260
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1082 109,4%	359 103,5%	344 90,1%	379 146%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	481 44,5%	78 21,7%	111 32,3%	292 77,0%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	502 46,4%	215 59,9%	201 58,4%	86 22,7%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,0%	0 0,0%	0 0,0%	

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,0%	0 0,0%	0 0,0%	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1/3 0,0%		3 0,8%	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	9 0,91%	1 0,29%	5 1,31%	3 1,15%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố	27	2	4	21
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	379			379
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	378			378
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)				
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	445/544	176/203	169/177	189/170
X	Số học sinh dân tộc thiểu số				

Hải Phòng, ngày 22 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Văn Kiên